

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC
AULAC CORPORATION



Năng Lượng Luôn Chuyển Động - Energy On The Move



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT **2013**

NỘI DUNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

1	THƯ NGỎ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	04
2	BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	06
3	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	07
	Tổng quan tình hình hoạt động kinh doanh 2013	
	Tình hình thực hiện hệ thống quản lý an toàn (HTQLAT)	
	Chiến lược phát triển kinh doanh và kế hoạch 2014	
4	GIỚI THIỆU CÔNG TY	12
	Giới thiệu công ty	
	Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý	
	Hội Đồng Quản Trị	
	Ban Kiểm Soát	
	Ban Điều Hành	
	Nguồn nhân lực	
	Chính sách nhân sự	
	Báo cáo lương, thưởng, thù lao của HĐQT và BKS	
5	THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG	21
6	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	22

THƯ NGỎ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2013 tiếp tục đánh dấu bước phát triển ổn định và vững chắc của Công ty Cổ Phần Âu Lạc về chiều rộng và chiều sâu. Việc đầu tư vào tàu chất lượng cao AuLac Diamond cuối năm 2012 là một chiến lược đúng đắn giúp công ty khai thác hiệu quả và tăng mạnh uy tín của Âu Lạc với các đối tác trong khu vực.

Năm 2013 cũng đánh dấu những bước chuyển mình sâu sắc của Công ty trong việc xây dựng bộ máy quản lý hiệu quả, liên tục nâng cao hệ thống Quản Lý An Toàn theo chuẩn Quốc tế. Các chương trình xây dựng văn hóa công ty, xây dựng các giá trị cốt lõi, chỉ tiêu đánh giá năng lực (KPI) và đặc biệt là tìm hiểu triển khai hệ thống quản lý phần mềm ERP được Công ty thực hiện quyết liệt.

Những nỗ lực này đã đem lại hiệu quả cao, cụ thể là mặc dù hoạt động lĩnh vực vận tải vẫn chưa thật sự khởi sắc (giá cước vẫn không tăng dù giá tàu có tăng nhẹ khoảng 10%), và có tới 4 con tàu của Âu Lạc phải lên đà, nhưng mức lợi nhuận cuối năm Công ty đã đạt 53.8 tỷ, tăng 20% so với kế hoạch của Đại hội Cổ đông đặt ra. Quan trọng nhất là thương hiệu Âu Lạc đã có chỗ đứng tại khu vực, các khách hàng lớn ngày càng tin tưởng và đặt vấn đề hợp tác lâu dài. Hiện nay, tỷ trọng khai thác trong khu vực đem về nguồn ngoại tệ chiếm trên 65% doanh thu của Công ty, trong đó vận tải đơn thuần trong nước chỉ còn chiếm tỷ lệ không quá 7%.

Với đà phát triển này, trong năm 2014 Công ty tiếp tục chọn lựa để tìm ra một đến hai tàu phù hợp cho việc đầu tư thêm. Dự kiến, chậm nhất đến cuối quý II 2014 thì Công ty sẽ có thêm một con tàu chất lượng tốt để đáp ứng nhu cầu khai thác đang lên cao hiện nay. Nguồn vốn thực hiện việc đầu tư này là từ dòng tiền sinh ra từ hoạt động kinh doanh và vay ngân hàng nhưng vẫn duy trì một tỷ lệ tài chính thật sự an toàn cho Âu Lạc.

Với định vị slogan “Năng lượng luôn chuyển động”, Công ty cũng đang dần từng bước mở rộng hoạt động trong ngành năng lượng tại Việt Nam, dựa trên trục kinh doanh cốt lõi là vận tải xăng dầu. Việc đầu tư M&A vào Công ty Năng lượng KT là một mô hình biến Âu Lạc trở thành tập đoàn, tổ hợp các công ty phát triển trong ngành năng lượng.

Tại Đại hội Cổ đông lần này, Hội đồng Quản trị chúng tôi trong nhiệm kỳ 2011-2015 tiếp tục tin tưởng vào sự phát triển theo định hướng đúng đắn của Công ty Âu Lạc. Trong bối cảnh chờ đợi thị trường chứng khoán khởi sắc hơn, năm 2014 sẽ là một năm phù hợp để Công ty Âu Lạc chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán tại Việt Nam.

Kết quả hoạt động kinh doanh thành công (đạt và vượt kế hoạch) trong năm tài chính 2013 là minh chứng cho sự đóng góp không ngừng nghỉ của lãnh đạo và đội ngũ cán bộ thuyền viên Âu Lạc.

Thay mặt Cổ đông Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi đến lãnh đạo, cán bộ công nhân viên, thuyền viên của Công ty lời cảm ơn vì những đóng góp quý báu mà các bạn đã đem lại cho Công ty Cổ phần Âu Lạc.

Rất mong tiếp tục nhận được những ủng hộ, giúp đỡ của quý Cổ đông, những ủng hộ hợp tác cùng có lợi của Quý khách hàng trong và ngoài nước, sự đóng góp nhiệt tình của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Âu Lạc.

Xin chân thành cảm ơn, chúc mọi sự tốt đẹp đến với Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Công ty Cổ phần Âu Lạc năm 2014.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Mạnh Thảo



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2013

Trong năm 2013, Ban Kiểm soát thường xuyên theo dõi tình hình hoạt động của Công ty và việc quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Đại diện Ban Kiểm soát được mời tham gia một số phiên họp định kỳ và bất thường của HĐQT. Ngoài ra, các thành viên của Ban Kiểm soát thường xuyên gặp gỡ để bàn bạc, trao đổi thông tin về tình hình Công ty.

Tháng 8/2013, Ban Kiểm soát đã tiến hành soát xét tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty và đã phát hành Báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2013, gửi HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, trong đó có nêu nhận xét và kiến nghị của Ban Kiểm soát để góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý tại Công ty.

Từ ngày 03/03/2014 đến ngày 05/03/2014, Ban Kiểm soát đã thẩm tra báo cáo tài chính năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

Ý KIẾN VÀ NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT

Về công tác Tài chính – Kế toán

Sau khi thẩm tra, Ban Kiểm soát đồng ý với Báo cáo Kiểm toán số 0068/2014/BCTC-KTTV của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Âu Lạc.

Công ty Cổ phần Âu Lạc đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính theo quý và năm 2013.

Về hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

• Hội đồng Quản trị

Trong năm 2013, tình hình kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục khó khăn. Các khó khăn này đã tác động trực tiếp đến tình hình vận tải xăng dầu nói chung và hoạt động của công ty nói riêng, nhưng HĐQT đã có những chỉ đạo, điều hành tích cực và quyết liệt để cố gắng hoàn thành vượt mức kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Hoạt động của HĐQT, các chủ trương, nghị quyết của HĐQT thực hiện đúng với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật liên quan.

• Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã có nhiều cố gắng để hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 do Đại hội đồng cổ đông đề ra, góp phần đem lại lợi ích cho cổ đông. Ban Kiểm soát đánh giá cao những nỗ lực trên.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, điều lệ Công ty và các quy định pháp luật.

TM. Ban Kiểm Soát

Trưởng ban



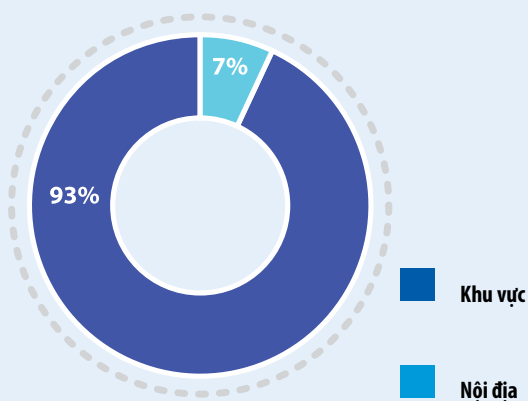
Huỳnh Đức Trường

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

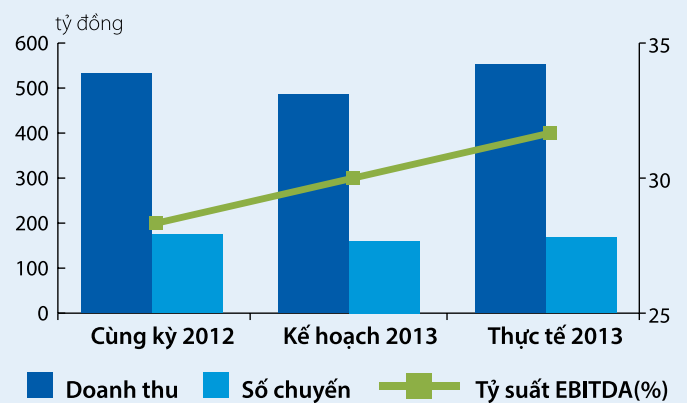
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2013

Số chuyến khai thác năm 2013 đạt 168 chuyến, giảm 3% so với cùng kỳ năm 2012 do bốn tàu lên đà. Tuy nhiên nhờ sự nỗ lực tìm kiếm nguồn hàng và khai thác một cách hiệu quả các chuyến backhaul, giảm thời gian tàu chạy không hàng nên doanh thu năm 2013 vẫn đạt 552,1 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2012. Tỷ lệ các chuyến khu vực cũng tăng đáng kể, từ 88% năm 2012 lên 93% năm 2013, phù hợp với chiến lược vươn tầm quốc tế của Hội đồng Quản trị đặt ra.

Tỷ lệ khai thác trong khu vực



So sánh tình hình kinh doanh 2013



Số lượng khách hàng nước ngoài tăng đáng kể lên 26 trên tổng số 29 khách hàng (chiếm 90%). 5 khách hàng lớn nhất chiếm 60% tổng doanh thu của toàn đội tàu. Tỷ lệ này trong các năm qua duy trì khá ổn định và ngày càng cao, điều này là yếu tố giúp Âu Lạc đạt được doanh thu bền vững nhờ những khách hàng truyền thống.

Tỷ suất EBITDA năm 2013 tăng từ 27% lên 33% so với năm 2012, chứng minh khả năng vận hành và khai thác đội tàu tốt.

Nhìn chung, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế năm 2013 vẫn còn nhiều khó khăn và thử thách, xung đột chính trị tại châu Á và Trung Đông vẫn tiếp diễn, khủng hoảng nợ vay tại EU vẫn còn đang là những nguy cơ tiềm tàng ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu. Hàng loạt các doanh nghiệp vận tải lớn trên thế giới đã phải đệ đơn bảo hộ phá sản hoặc bán tài sản, bên cạnh đó tình hình vận tải trong nước cũng diễn biến theo chiều hướng xấu, lượng cung lớn hơn lượng cầu dẫn đến các hãng tàu có kết quả kinh doanh thấp hoặc thua lỗ.

Mặt khác theo quy định của đang kiểm, bốn tàu trong đội tàu phải sửa chữa định kỳ, gây ảnh hưởng không nhỏ đến ngày vận doanh, kế hoạch khai thác và kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, nhờ nỗ lực không ngừng của Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể nhân viên và thuyền viên công ty, kết quả kinh doanh năm 2013 đã hoàn thành vượt mức kế hoạch Đại hội đồng Cổ đông đề ra.



Một số chỉ tiêu tài chính quan trọng

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	2013	2012
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,3	1,3
Hệ số thanh toán nhanh	1,6	0,9

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/Tổng tài sản	37%	36%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	59%	56%

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	10%	12%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH (ROE)	9%	11%
Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA)	6%	7%
Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16%	14%

Các chỉ tiêu tài chính của Ắc Lắc vẫn ở mức mạnh và ổn định. Trong đó, chỉ tiêu về khả năng thanh toán vượt trội so với 2012 đảm bảo độ an toàn trong thanh khoản của các hoạt động thường nhật. Hệ số nợ có tăng nhẹ do trong năm 2013 Công ty đã phát hành thành công 73 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi. Các chỉ số về khả năng sinh lời vẫn giữ ở mức cao so với các công ty cùng ngành.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN (HTQLAT)

Trong năm 2013, đội tàu của Ắc Lắc đã thực hiện 24 đợt vetting và được các hãng dầu lớn chấp thuận như Shell, Chevron, Exxon Mobile, ENOC và PTT.

Ngoài ra, toàn bộ đội tàu trong năm 2013 đã được trang bị hệ thống liên lạc Inmarsat F (FBB) nhằm đáp ứng kịp thời khả năng quản lý an toàn đội tàu, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc phục vụ khách hàng và các cơ quan hữu quan.

Đồng thời, cùng với sự phối hợp tốt giữa đội tàu và các phòng ban của Công ty, thời gian sửa chữa trên đà của đội tàu hoàn thành sớm hơn kế hoạch 27 ngày và chi phí sửa chữa không thay đổi, giúp đưa đội tàu quay trở lại khai thác sớm hơn kế hoạch, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

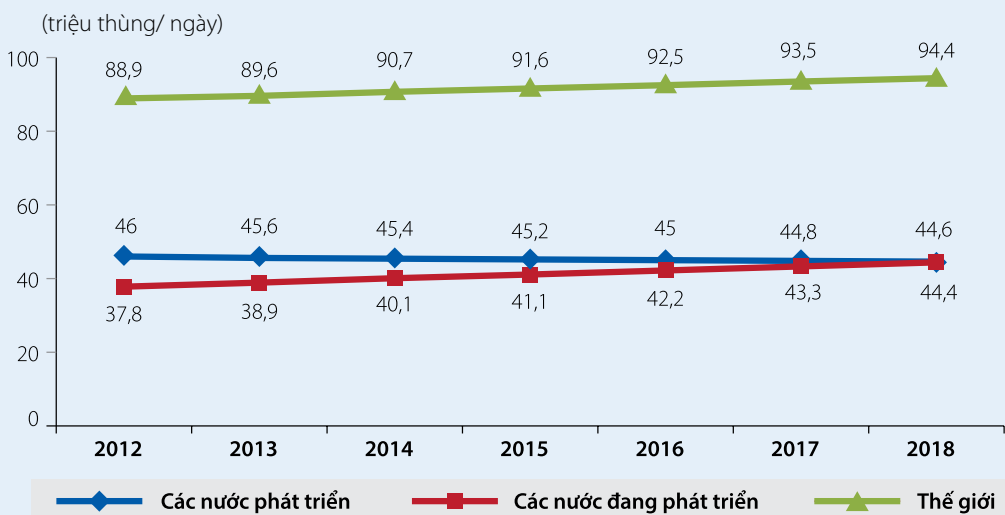
Công ty cũng đã chuẩn hóa và hoàn thiện các tài liệu trong hệ thống QLAT nhằm đáp ứng Công ước Lao động Hàng hải (MLC 2006) trong năm 2013.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH DOANH VÀ KẾ HOẠCH 2014

Trong năm 2014, kinh tế thế giới được dự đoán sẽ khởi sắc hơn, nhu cầu về năng lượng của thế giới và các nước đang phát triển được dự báo sẽ tăng nhẹ, mở ra cơ hội cho nhiều ngành nghề trong đó có vận chuyển xăng dầu.

Dự báo tiêu thụ xăng dầu ngắn hạn



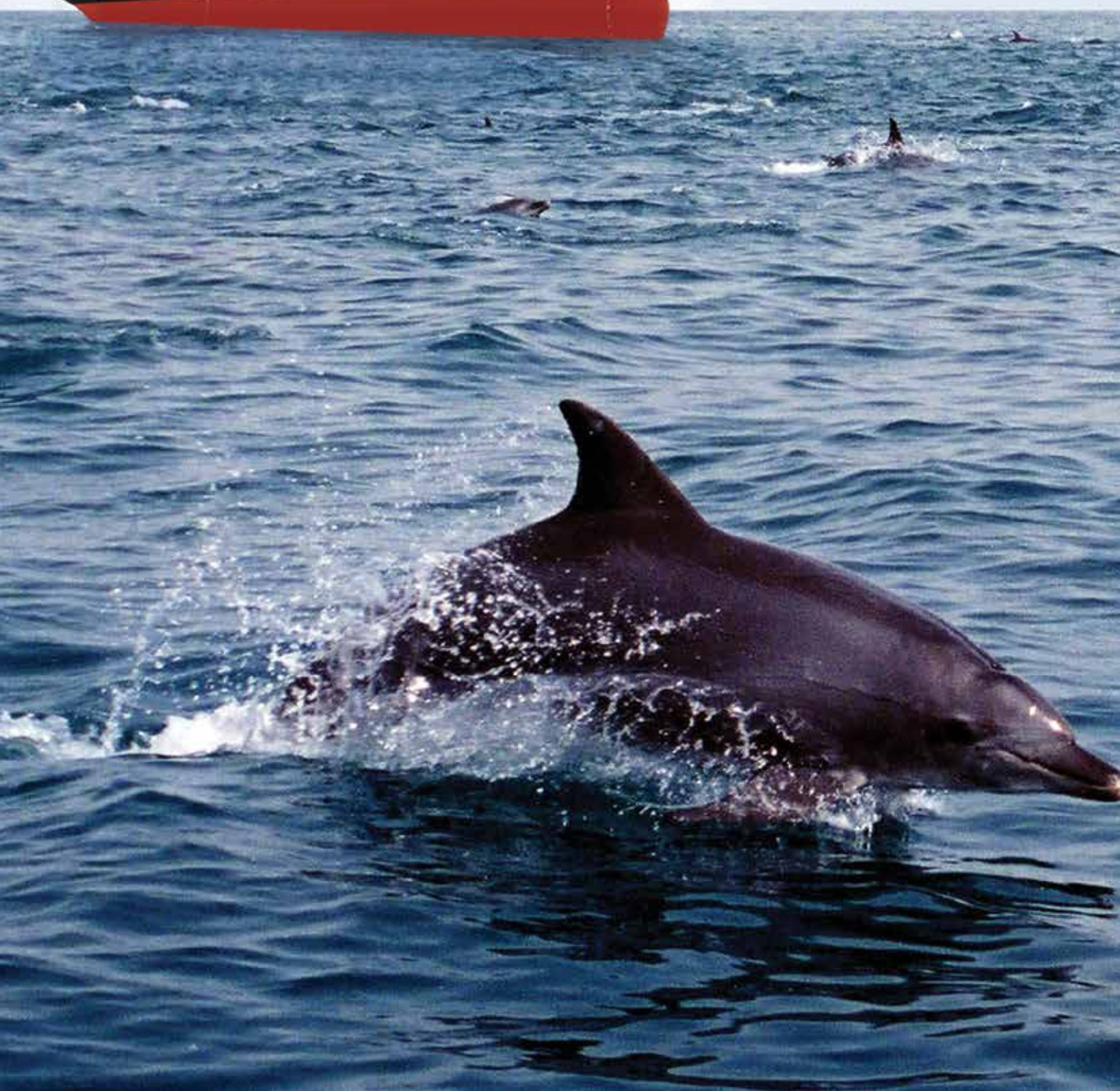
*Nguồn: Dự báo cung cầu xăng dầu của OPEC

Tuy nhiên, tình hình cạnh tranh khốc liệt với các công ty trong và ngoài nước ảnh hưởng trực tiếp đến giá cước vận tải. Ngoài ra, giá xăng dầu có xu hướng dao động nhiều do tình hình thế giới vẫn còn nhiều bất ổn.

Việc áp dụng đầy đủ các chuẩn mực của Công ước Quốc tế cũng làm tăng chi phí vận hành đội tàu lên đáng kể.

Dựa trên những điều kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc trình kế hoạch kinh doanh năm 2014 với những chỉ tiêu sau:

	Kế hoạch 2014
Số chuyến vận chuyển	200
Doanh thu (tỷ đồng)	623,5
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	85,6

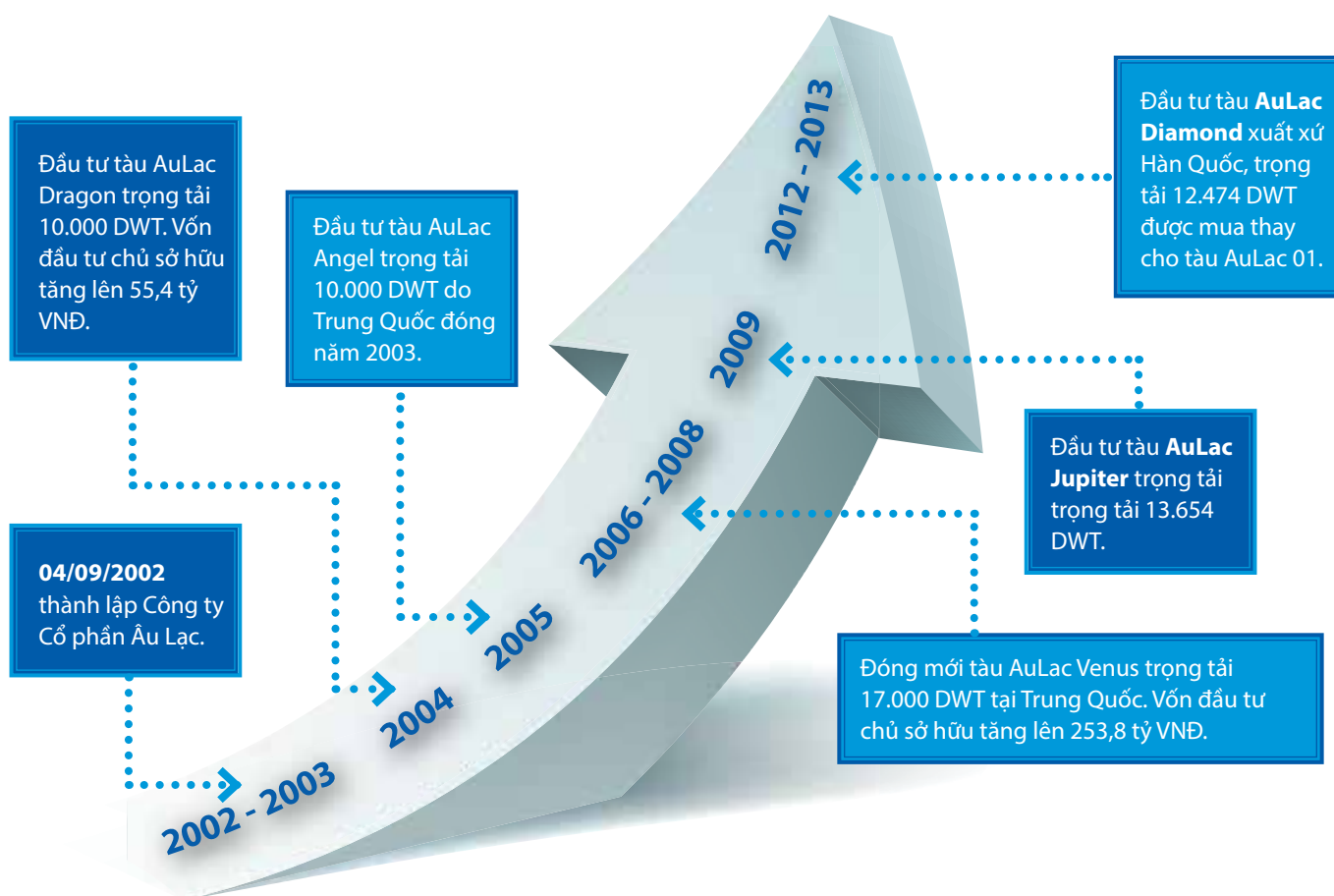


Năng Lượng Luôn Chuyển Động
Energy On The Move



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Hơn 10 năm xây dựng và phát triển – quy mô đội tàu trẻ 5 chiếc với trọng tải gần 65.000 DWT





GIỚI THIỆU CHUNG VỀ ÂU LẠC

Công ty Cổ phần Âu Lạc hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302704796 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/8/2013 (đăng ký thay đổi lần thứ 12).

Vốn điều lệ: 289.221.600.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa.
- Dịch vụ hàng hải – Kinh doanh vận tải biển.
- Dịch vụ đại lý tàu biển.
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.
- Môi giới thuê tàu biển.
- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.
- Hoạt động liên quan khác như lấy mẫu, cân hàng hóa liên quan đến vận tải.
- Mua bán các mặt hàng trang trí nội thất, công nghệ phẩm, kim khí điện máy, bán buôn nông, lâm sản lương thực, Mua bán xe gắn máy và phụ tùng. Mua bán hóa chất. đại lý ký gởi hàng hóa. Mua bán thực phẩm. Mua bán máy móc phục vụ các ngành công – nông – lâm ngư nghiệp. Mua bán xe ô tô và phụ tùng. Mua bán vật liệu xây dựng. Mua bán xăng dầu, nhớt. vận tải nhiên liệu ven biển và viễn dương.

Ngay từ ngày đầu thành lập (04/09/2002), Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thành công trong việc xây dựng chiến lược phát triển và triển khai hoạt động trên lĩnh vực vận tải xăng dầu bằng đường biển trong nước và quốc tế. Đến nay Công ty đã thiết lập được quan hệ đối tác chiến lược và trực tiếp ký hợp đồng vận tải với nhiều chủ hàng lớn trong nước như Công ty Saigon Petro, Vinapco, Thalexim, Petrolimex,

PV Oil, v.v... và ngoài nước như Shell, Conoco Phillips, PTT Thái Lan, Sinopec Hongkong, Unipet (Singapore & Trung Quốc), BP Singapore, Trafigura, PetroSummit, Sojitz, Elico, Arcadia, Pertamina, Foremost, Cargill, HPL, v.v.... Đồng thời, Công ty đã chứng minh được năng lực điều hành, khai thác đội tàu theo tiêu chuẩn quốc tế, mở rộng thị phần vận tải, đạt hiệu quả cao.

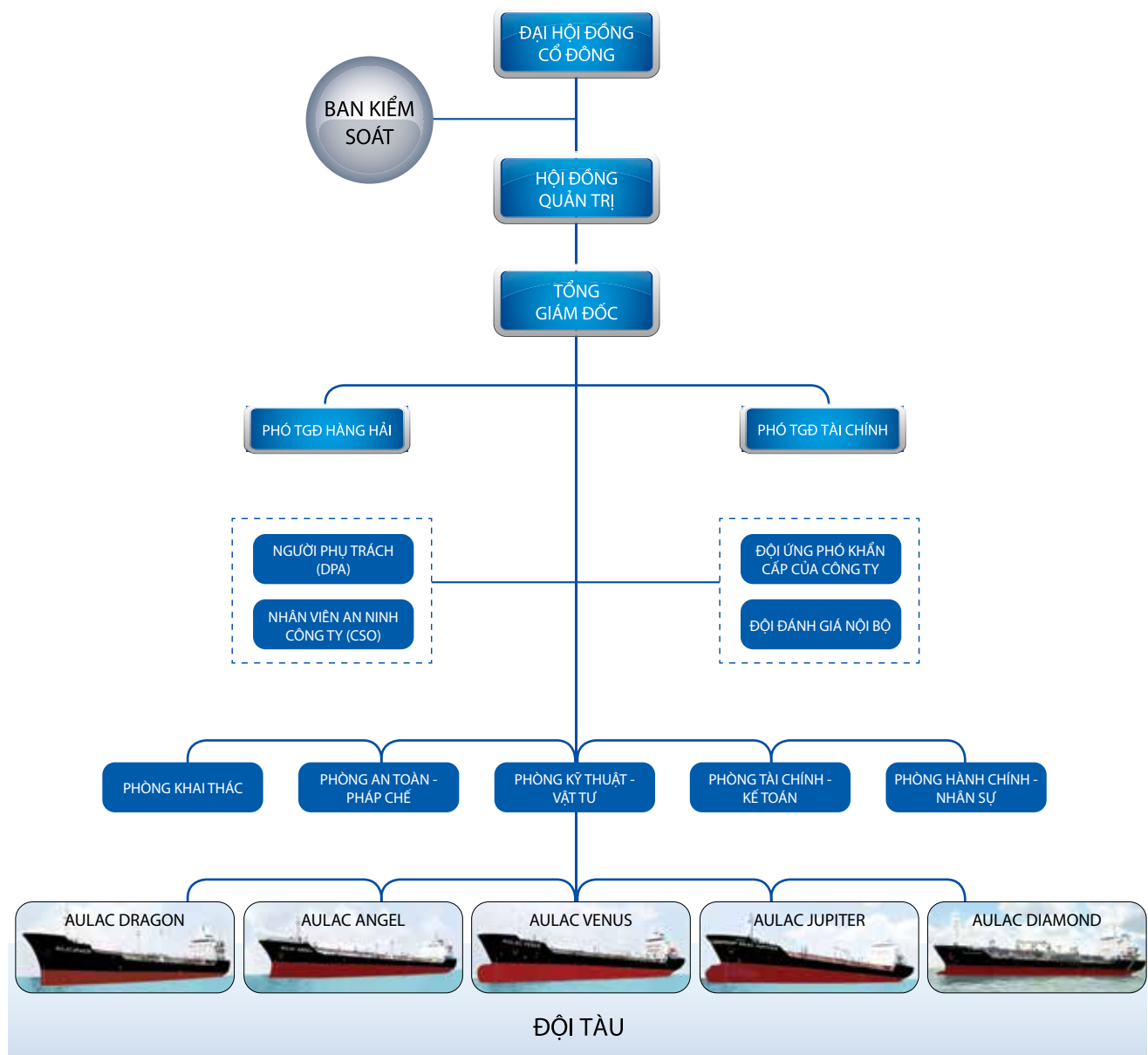
Định hướng hoạt động của Công ty trong năm 2014

- Tập trung hoạt động cốt lõi của Công ty – khai thác đội tàu bằng cách tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, chuyên nghiệp hóa quản trị điều hành, tăng tỷ lệ vận chuyển ngoài Việt Nam, tìm kiếm, tăng khai thác nguồn hàng hai chiều.
- Nhanh chóng thực hiện đầu tư mua mới ít nhất một tàu có trọng tải từ 10.000 đến 17.000 DWT.
- Tiếp tục xây dựng các mối quan hệ lâu dài với các khách hàng chiến lược trong và ngoài nước, đồng thời cũng tiếp tục mở rộng thị phần với các đối tác mới.
- Tối ưu hóa cấu trúc tài chính của Công ty để việc sử dụng đồng vốn cổ đông được hiệu quả nhất.
- Tiếp tục phát triển đội tàu theo hướng ưu tiên chất lượng và hiệu quả, kết hợp các hình thức mua mới hoặc thuê mua, thuê định hạn nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của các khách hàng.
- Từng bước đa dạng hóa hoạt động kinh doanh của Công ty trong lĩnh vực năng lượng qua hình thức liên doanh, liên kết, thành lập mới hoặc mua bán và sáp nhập (M&A), lấy vận tải xăng dầu làm cốt lõi.

Công ty Cổ phần Âu Lạc cam kết trở thành một trong những công ty tư nhân hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực vận tải biển. Âu Lạc cùng năng lượng tuôn chảy đến mọi nơi, mang động lực phát triển và lợi ích đến với khách hàng, cổ đông và toàn xã hội.



MÔ HÌNH TỔ CHỨC & CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị gồm 05 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm (2010 - 2015), trong đó có 03 thành viên độc lập. Các thành viên độc lập trong HĐQT đóng góp những kinh nghiệm của mình trong việc tham mưu chiến lược cho sự phát triển ổn định của công ty cũng như hỗ trợ chuyên môn và kinh nghiệm liên quan.



1. ÔNG NGUYỄN MẠNH THẢO
Chủ Tịch HĐQT

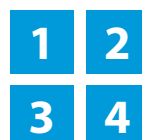
2. ÔNG TRẦN LÊ KHÁNH
Phó Chủ Tịch HĐQT

3. ÔNG NGUYỄN THANH HỒNG
Thành viên HĐQT

4. BÀ NGUYỄN THỊ HẰNG
Thành viên HĐQT

5. ÔNG NGUYỄN VIỆT HẢI
Thành viên HĐQT

BAN KIỂM SOÁT



1. ÔNG HUỖNH ĐỨC TRƯỜNG
Trưởng ban

2. BÀ PHẠM THỊ HỒNG
Thành viên

3. ÔNG PHAN VĨNH KHA
Thành viên

4. BÀ BÙI THỊ THU THẢO
Thành viên

BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG MAI VĂN TÙNG
Tổng Giám Đốc



ÔNG LÊ HỒNG SƠN
Phó TGD - Hàng hải



ÔNG HỒ VĂN THIỆN
Phó TGD - Tài chính



ÔNG VÕ TRỌNG KHOA
Trưởng phòng Khai thác



ÔNG TRẦN QUỐC TUẤN
Trưởng phòng Kỹ thuật
- Vật tư



ÔNG LÊ HẢI ANH
Trưởng phòng Tài chính
- Kế toán



ÔNG TRẦN THÁI NGUYÊN
Trưởng phòng Hành chính
- Nhân sự



ÔNG PHẠM QUỐC HUY
DPA & Trưởng phòng
An Toàn

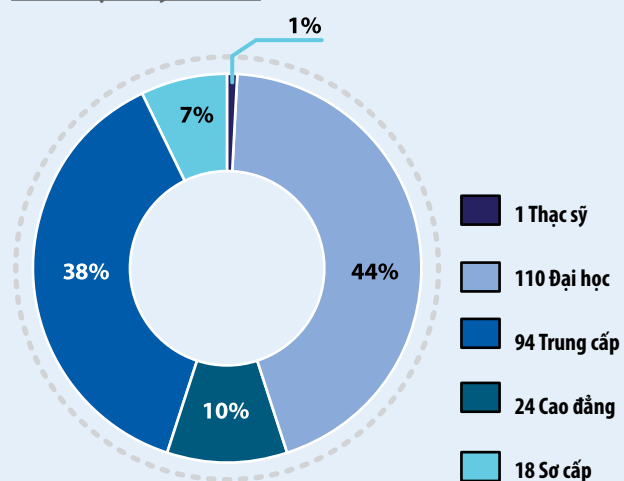


NGUỒN NHÂN LỰC

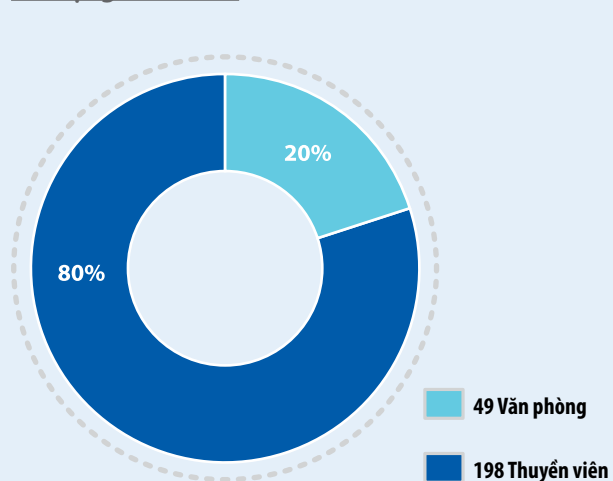
Tại ngày 31/12/2013, tổng số nhân viên Công ty là 247 nhân viên, thuyền viên chiếm tỉ lệ trọng yếu.

Trong năm 2013, yếu tố con người vẫn đóng vai trò quan trọng nhất trong sự phát triển dài hạn của Công ty, Âu Lạc đã triển khai nhiều kế hoạch điều chỉnh cơ cấu chức danh, nâng cao trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cho toàn thể nhân viên công ty, đặc biệt là cho đội ngũ thuyền viên.

Trình độ chuyên môn



Số lượng nhân viên



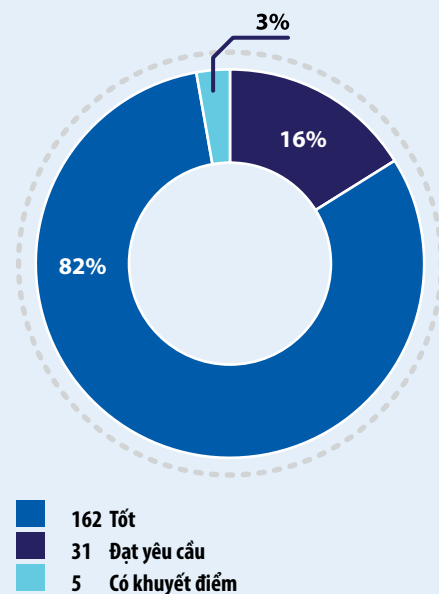


CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

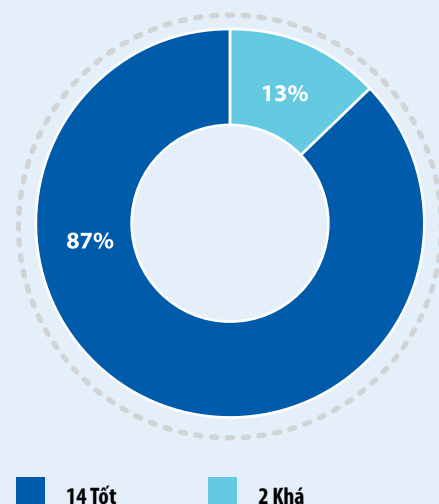
- Đã huấn luyện nâng cao hoặc chuyển đổi chức danh cho 06 Sỹ quan của Công ty và mở 06 lớp bồi dưỡng huấn luyện cập nhật kiến thức nghiệp vụ cho 100% thuyền viên của Công ty.
- Tiếp tục chuyên nghiệp hóa hoạt động của Công ty như chính thức áp dụng chỉ tiêu đánh giá năng lực (KPIs) từ lãnh đạo Công ty đến các phòng ban, cán bộ công nhân viên để làm căn cứ bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu, tổ chức xây dựng và phổ biến văn hóa Công ty cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty.
- Ban hành các quy định, thường xuyên thực hiện hoàn chỉnh hệ thống quản lý an toàn của Công ty, đặc biệt đối với việc điều hành đội tàu nhằm đáp ứng tần suất hoạt động cao của đội tàu.
- Bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao cho các phòng ban kịp thời. Từng bước trẻ hóa lãnh đạo các phòng ban, duy trì bộ máy hoạt động thật hiệu quả, gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí.
- Hoàn chỉnh các bộ phận của Công ty nhằm đưa hoạt động của Công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa, tăng trách nhiệm và sự phối hợp đồng bộ của các bộ phận trong toàn Công ty.
- Tạo môi trường làm việc thuận lợi nhất cho toàn Công ty.

Ngoài ra, trong năm 2013, Công ty đã tổ chức thành công tốt đẹp họp mặt Công đoàn, góp phần tăng tinh thần đoàn kết giữa tàu và bờ, đại hội đã được đông đảo nhân viên, thuyền viên tham gia và ủng hộ. Công ty đã quyết định chọn ngày 25 tháng 6 hàng năm (ngày quốc tế thuyền viên) làm ngày tổ chức họp mặt Công đoàn.

Chất lượng thuyền viên



Chất lượng thuyền viên thực tập





BÁO CÁO LƯƠNG, THƯỞNG VÀ THÙ LAO CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Âu Lạc là công ty đại chúng, do đó hoạt động quản trị của Công ty tuân thủ theo đúng Điều lệ doanh nghiệp và yêu cầu của pháp luật

Trong năm 2013, Âu Lạc thực hiện đúng chính sách chi trả lương, thưởng và thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông 2012 đã phê duyệt. Cụ thể chi phí đã chi trả như sau:

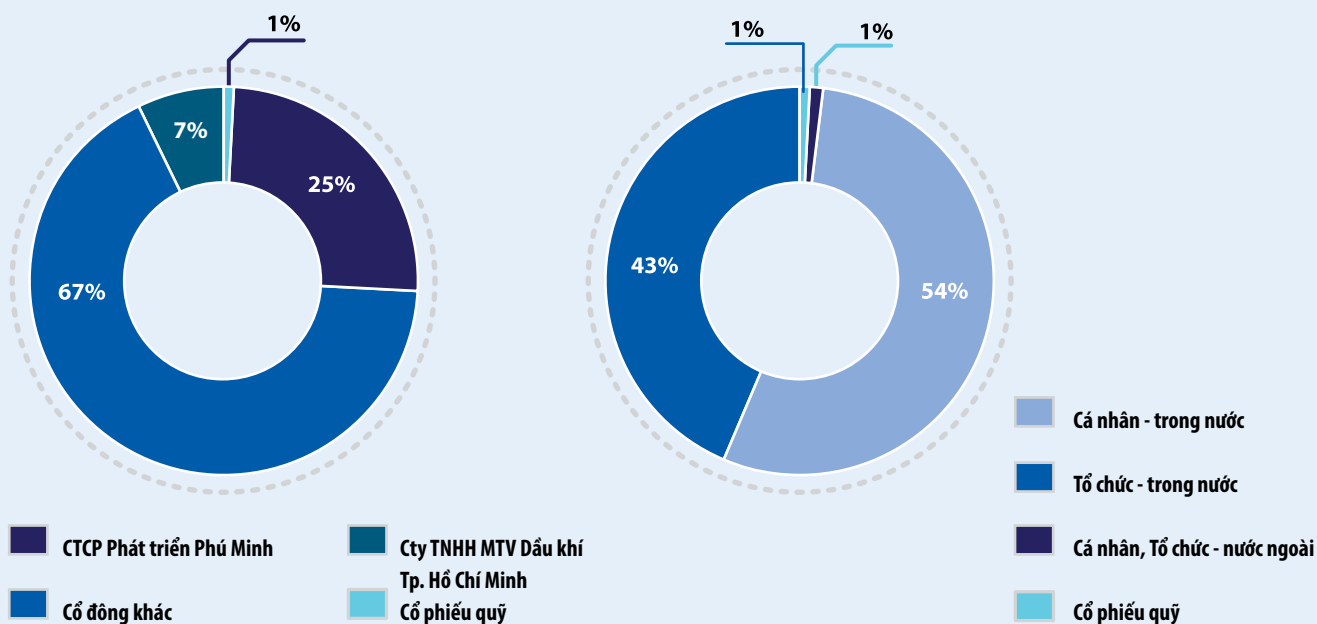
Họ và tên	Chức vụ	Lương thưởng & thù lao (VNĐ)
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Ông Nguyễn Mạnh Thảo	Chủ Tịch	<u>614.000.000</u>
Ông Trần Lê Khánh	Phó Chủ Tịch	<u>578.000.000</u>
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên	<u>350.000.000</u>
Ông Nguyễn Việt Hải	Thành viên	<u>350.000.000</u>
Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên	<u>350.000.000</u>
BAN KIỂM SOÁT		
Ông Nguyễn Đức Trường	Trưởng ban	<u>233.377.778</u>
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên	<u>173.688.889</u>
Ông Phan Vinh Kha	Thành viên	<u>159.244.444</u>
Bà Bùi Thị Thu Thảo	Thành viên	<u>153.688.889</u>

THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2013, Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ và số cổ phần hiện tại là tự do chuyển nhượng. Tính đến ngày 31/12/2013, Thông tin về vốn của Công ty như sau:

- Vốn điều lệ của Công ty (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): 289.221.600.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 253.779.820.000 đồng
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 25.377.982 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ: 356.860 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông như sau







BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Âu Lạc (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

KHÁI QUÁT VỀ TẬP ĐOÀN

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Âu Lạc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302704796, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 9 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 289.221.600.000 VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 253.779.820.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84 - 8) 38 200441 - 38 200443
Fax : (84 - 8) 38 200440
Website : www.aulac.com.vn
Mã số thuế : 0302704796

Hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Âu Lạc theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, chi tiết: kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa;
- Hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: dịch vụ hàng hải – kinh doanh vận tải biển (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật), dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, môi giới thuê tàu biển, hoạt động của đại lý là thủ tục hải quan, hoạt động liên quan khác như lấy mẫu và cân hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Bán buôn đồ dùng gia đình, chi tiết: mua bán các mặt hàng trang trí nội thất, công nghệ phẩm, kim khí điện máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết mua bán nông lâm sản, lương thực;
- Bán mô tô, xe máy: chi tiết mua bán xe gắn máy và phụ tùng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được đưa vào đầu, chi tiết: mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: đại lý ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: mua bán thực phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác, chi tiết: mua bán máy móc phục vụ các ngành công – nông – lâm – ngư nghiệp;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác, chi tiết: mua bán xe ô tô và phụ tùng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: mua bán vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: mua bán xăng dầu (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, chi tiết: vận tải nhiên liệu ven biển và viễn dương.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(Tiếp theo)

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần Âu Lạc Logistic	92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312218153 ngày 03 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp	70,00%
Công ty cổ phần năng lượng KT	68 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312479807 ngày 04 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp	77,50%
Công ty cổ phần thương mại gas Bình Minh ^(*)	10 – 12 đường số 2, phường 4, quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302309796 ngày 10 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp	51,15%

^(*) Công ty cổ phần Âu Lạc đầu tư gián tiếp thông qua Công ty cổ phần năng lượng KT, Công ty cổ phần KT sở hữu 66,00% cổ phần Công ty cổ phần thương mại gas Bình Minh.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 35 đến trang 58).

Trong năm, theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2013 Công ty cổ phần Âu Lạc đã phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

- | | |
|---|--------------------|
| – Thưởng đạt kế hoạch cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc | 1.740.000.000 VND |
| – Chia cổ tức bổ sung năm 2012 (900 VND/cổ phiếu) | 22.808.683.800 VND |

Và phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

- | | |
|--|-------------------|
| – Trích quỹ đầu tư phát triển | 2.693.283.644 VND |
| – Trích quỹ dự phòng tài chính | 1.615.970.187 VND |
| – Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 3.770.597.102 VND |
| – Chi thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | 1.620.000.000 VND |

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Âu Lạc trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Mạnh Thảo	Chủ tịch	30 tháng 6 năm 2010
Ông Trần Lê Khánh	Phó Chủ tịch	30 tháng 6 năm 2010
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên	30 tháng 6 năm 2010
Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên	30 tháng 6 năm 2010
Ông Nguyễn Việt Hải	Thành viên	30 tháng 6 năm 2010

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Đức Trường	Trưởng ban	22 tháng 4 năm 2011
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên	22 tháng 4 năm 2011
Ông Phan Vĩnh Kha	Thành viên	22 tháng 4 năm 2011
Bà Bùi Thị Thu Thảo	Thành viên	22 tháng 4 năm 2011

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mai Văn Tùng	Tổng Giám đốc	08 tháng 4 năm 2011
Ông Lê Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc hàng hải	09 tháng 6 năm 2012
Ông Hồ Văn Thiện	Phó Tổng Giám đốc tài chính	08 tháng 2 năm 2013

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0319/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Âu Lạc bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Âu Lạc và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2014, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(Tiếp theo)



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Võ St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Âu Lạc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Bùi Thị Ngọc Anh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1491-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		224.958.771.497	122.793.450.810
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	105.675.590.619	42.225.452.748
1. Tiền		111		27.277.844.219	16.125.452.748
2. Các khoản tương đương tiền		112		78.397.746.400	26.100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		6.400.000.000	1.642.471.200
1. Đầu tư ngắn hạn		121	V.2	6.400.000.000	1.642.471.200
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn		129		-	-
III. Các khoản phải thu		130		37.563.625.160	37.370.514.567
1. Phải thu của khách hàng		131	V.3	33.809.283.055	36.067.005.763
2. Trả trước cho người bán		132		428.649.433	276.477.334
3. Phải thu nội bộ		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		138	V.4	7.114.705.163	4.092.364.805
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		139	V.5	(3.789.012.491)	(3.065.333.335)
IV. Hàng tồn kho		140		62.375.706.839	39.194.023.010
1. Hàng tồn kho		141	V.6	63.871.206.839	39.194.023.010
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	V.7	(1.495.500.000)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		12.943.848.879	2.360.989.285
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.8	4.031.363.091	2.230.882.285
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		7.057.210.703	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		765.001	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.9	1.854.510.084	130.107.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		786.758.296.867	787.060.605.856
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		697.008.611.827	765.097.586.342
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.10	697.008.611.827	765.097.586.342
Nguyên giá		222		1.086.066.466.218	1.080.367.548.761
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(389.057.854.391)	(315.269.962.419)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
Nguyên giá		225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		226		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	228		119.593.169	83.435.669
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(119.593.169)	(83.435.669)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.876.179.955	7.724.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	500.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	10.874.000.000	10.874.000.000
4.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.12	(4.997.820.045)	(3.650.000.000)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		83.873.505.085	14.239.019.514
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	44.973.527.500	9.641.019.514
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.14	38.899.977.585	4.598.000.000
B -	LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	269	V.15	13.043.654.139	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.024.760.722.503	909.854.056.666
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		408.969.332.526	328.246.952.388
I.	Nợ ngắn hạn	310		172.442.790.549	95.760.416.361
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	80.680.982.042	49.279.874.473
2.	Phải trả người bán	312	V.17	30.623.010.227	33.963.784.457
3.	Người mua trả tiền trước	313		-	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	5.542.649.467	5.783.760.455
5.	Phải trả người lao động	315	V.19	3.431.873.377	140.000.000
6.	Chi phí phải trả	316		171.090.909	638.847.091
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	48.826.540.608	2.911.603.068
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	3.166.643.919	3.042.546.817
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	Nợ dài hạn	320		236.526.541.977	232.486.536.027
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.22	236.526.541.977	232.486.536.027
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		601.534.526.413	581.607.104.278
I.	Vốn chủ sở hữu	410		601.534.526.413	581.607.104.278
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	253.779.820.000	253.779.820.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	254.725.820.000	254.725.820.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414	V.23	(3.568.600.000)	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	18.108.306.035	15.415.022.391
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	24.556.942.044	22.940.971.857
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	53.932.238.334	34.745.470.030
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C -	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.24	14.256.863.564	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		1.024.760.722.503	909.854.056.666
1.	Tài sản thuê ngoài			-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5.	Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)			422.376.29	450.649.63
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014



Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	640.023.186.975	533.107.483.918
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	640.023.186.975	533.107.483.918
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	502.159.713.584	422.647.116.379
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		137.863.473.391	110.460.367.539
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.446.360.873	1.958.400.790
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	25.295.013.722	10.850.225.028
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.295.262.828	9.443.850.407
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	19.466.889.286	8.924.279.155
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	30.747.824.464	18.216.310.146
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.800.106.792	74.427.954.000
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.695.680.211	29.485.269.351
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.229.615.467	20.598.541.969
13. Lợi nhuận khác	40		2.466.064.744	8.886.727.382
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		72.266.171.536	83.314.681.382
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	18.560.365.161	15.459.610.620
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	3.030.657.878
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		53.705.806.375	64.824.412.884
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		270.503.338	-
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		53.435.303.037	64.824.412.884
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.117	2.554

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014



Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		72.266.171.536	83.314.681.382
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, 15	72.121.234.176	58.506.500.580
- Các khoản dự phòng	03	V.5, V.7, V.12	3.566.999.201	250.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	2.331.356.501	(177.310.980)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.236.179.531)	(10.032.169.600)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	19.295.262.828	9.443.850.407
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		165.344.844.711	141.305.551.789
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.386.969.416)	12.735.233.257
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.171.128.205)	(2.153.670.073)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.370.679.584)	2.016.914.917
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(19.390.870.788)	13.549.972.801
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.20, VI.4	(18.281.373.940)	(9.443.850.407)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(18.443.425.491)	(14.619.186.596)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		9.544.597.060	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(6.226.630.834)	(6.106.271.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		88.618.363.513	137.284.694.488
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(2.663.643.077)	(244.320.242.191)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	309.090.909	24.872.170.299
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(6.400.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(27.276.808.000)	(500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		422.583.779	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	4.004.504.843	1.187.686.735
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(31.604.271.546)	(218.760.385.157)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Nhận góp vốn từ cổ đông thiểu số	32		600.000.000	-
3. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	33	V.23	(3.568.600.000)	-
4. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	34	V.16,V.22	165.607.012.525	290.779.778.735
5. Tiền chi trả nợ gốc vay	35	V.16,V.22	(132.531.512.548)	(136.802.631.403)
6. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	36		-	-
7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	37	V.23	(23.690.111.114)	(64.320.754.587)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.416.788.863	89.656.392.745
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		63.430.880.830	8.180.702.076
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	42.225.452.748	34.300.196.757
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		19.257.041	(255.446.085)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	105.675.590.619	42.225.452.748

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014



Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần Âu Lạc bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Âu Lạc (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Mua bán khí đốt và bếp gas.
- Tổng số các công ty con** : 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 03

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần Âu Lạc Logistic	92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	70,00%	70,00%
Công ty cổ phần năng lượng KT	68 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	77,50%	77,50%
Công ty cổ phần thương mại gas Bình Minh ^(*)	10 – 12 đường số 2, phường 4, quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,15%	66,00%

^(*) Công ty cổ phần Âu Lạc đầu tư gián tiếp thông qua Công ty cổ phần năng lượng KT, Công ty cổ phần KT sở hữu 66,00% cổ phần Công ty cổ phần thương mại gas Bình Minh.

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Tập đoàn có 970 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 243 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Âu Lạc (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của các công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

9. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa tàu

Chi phí phát sinh cho việc trung tu và đại tu tàu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong 30 tháng.

Bình gas, van bình gas và chi phí sửa chữa bình gas

Bình gas, van bình gas và chi phí sơn, sửa, tái kiểm định bình gas đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại các công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Các Công ty trong Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty cổ phần Âu Lạc phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Âu Lạc hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2012	:	20.815 VND/USD
			16.905 VND/SGD
	31/12/2013	:	21.080 VND/USD
			16.556 VND/SGD

21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định tại phương án phát hành. Trái phiếu chuyển đổi do Tập đoàn phát hành được ghi nhận theo giá gốc nợ phải trả.

Lãi trái phiếu phải trả trong từng kỳ được tính trên cơ sở lãi suất và giá trị của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận chi phí tài chính tại thời điểm phát hành.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	937.776.610	1.176.889.932
Tiền gửi ngân hàng	26.340.067.609	14.948.562.816
Các khoản tương đương tiền ^(*)	78.397.746.400	26.100.000.000
Cộng	105.675.590.619	42.225.452.748

^(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn ⁽ⁱ⁾	-	1.642.471.200
Đầu tư ngắn hạn khác ⁽ⁱⁱ⁾	6.400.000.000	-
Cộng	6.400.000.000	1.642.471.200

⁽ⁱ⁾ Khoản đầu tư cổ phiếu của Công ty cổ phần xăng dầu chất đốt Hà Nội với số lượng là 136.300 cổ phiếu giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.

⁽ⁱⁱ⁾ Cho Ông Trần Minh Loan vay theo Hợp đồng vay 66/13/ASC/HDLT ngày 10 tháng 10 năm 2013 với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Khoản cho vay được đảm bảo bằng 297.000 cổ phiếu Công ty cổ phần năng lượng KT của Ông Lê Trung Kiên và Ông Lê Hoàng Anh Phương.

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Âu Lạc	32.899.985.959	36.067.005.763
Tại Công ty cổ phần Âu Lạc Logistic	382.488.041	-
Tại Công ty cổ phần thương mại gas Bình Minh	526.809.055	-
Cộng	33.809.283.055	36.067.005.763

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu Công ty cổ phần Khang Phong – Tạm ứng tiền góp vốn theo biên bản thỏa thuận	3.065.333.335	3.065.333.335
Phải thu Công ty cổ phần xăng dầu Nam Việt - tiền chi hộ	1.496.554.357	-
Phải thu tiền bồi thường hao hụt	-	218.947.643
Phải thu phí đại lý từ chủ hàng	2.144.624.651	550.310.827
Các khoản phải thu khác	408.192.820	257.773.000
Cộng	7.114.705.163	4.092.364.805

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	3.065.333.335
Trích lập dự phòng bổ sung	723.679.156
Số cuối năm	3.789.012.491

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	23.919.892.724	20.813.951.032
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ^(*)	19.550.903.476	18.380.071.978
Hàng hóa	20.121.530.089	-
Hàng gửi đi bán	278.880.550	-
Cộng	63.871.206.839	39.194.023.010

^(*) Toàn bộ nhiên liệu nhập vào cho các tàu được hạch toán hết vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Khi kết thúc chuyển và ghi nhận doanh thu, Công ty cổ phần Âu Lạc sẽ tiến hành kiểm tra số lượng sử dụng thực tế để kết chuyển vào giá vốn. Do đó đến thời điểm cuối năm, vẫn còn một phần nhiên liệu tồn trên tàu, chưa sử dụng.

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá cho công cụ, dụng cụ đã hư hỏng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	-
Trích lập dự phòng bổ sung	1.495.500.000
Số cuối năm	1.495.500.000

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	1.813.234.560	1.625.734.464
Chi phí quảng cáo	1.351.717.003	-
Công cụ, dụng cụ, đồng phục nhân viên	486.400.079	605.147.821
Tiền thuê nhà	306.500.000	-
Chi phí khác	73.511.449	-
Cộng	4.031.363.091	2.230.882.285

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	439.892.022	130.107.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.414.618.062	-
Cộng	1.854.510.084	130.107.000

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	12.399.011.818	1.066.620.590.197	1.347.946.746	1.080.367.548.761
Mua sắm mới	-	2.611.824.895	51.818.182	2.663.643.077
Hợp nhất công ty con tại ngày mua	-	3.418.318.420	613.584.146	4.031.902.566
Thanh lý, nhượng bán	-	(562.449.545)	-	(562.449.545)
Kết chuyển qua công cụ, dụng cụ phân bổ ^(*)	-	-	(434.178.641)	(434.178.641)
Số cuối năm	12.399.011.818	1.072.088.283.967	1.579.170.433	1.086.066.466.218
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	811.586.097	811.586.097

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	2.810.440.000	311.231.356.316	1.228.166.103	315.269.962.419
Hợp nhất công ty con tại ngày mua	-	2.281.941.967	520.925.389	2.802.867.356
Khấu hao trong năm	495.960.000	71.317.423.248	86.772.044	71.900.155.292
Thanh lý, nhượng bán	-	(562.449.545)	-	(562.449.545)
Kết chuyển qua công cụ, dụng cụ phân bổ ^(*)	-	-	(352.681.131)	(352.681.131)
Số cuối năm	3.306.400.000	384.268.271.986	1.483.182.405	389.057.854.391
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	9.588.571.818	755.389.233.881	119.780.643	765.097.586.342
Số cuối năm	9.092.611.818	687.820.011.981	95.988.028	697.008.611.827
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 740.915.289.095 VND và 555.844.082.914 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

^(*) Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định: đối với các tài sản cố định Tập đoàn đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định từ 30.000.000 VND trở lên thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, thời gian phân bổ không quá 03 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này (ngày 10 tháng 6 năm 2013).

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty chứng khoán Phú Hưng	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Công ty cổ phần vật tư xăng dầu Petec	30.000	309.000.000	30.000	309.000.000
Công ty cổ phần cà phê Petec	73.000	745.000.000	73.000	745.000.000
Công ty cổ phần kho vận Petec	270.000	2.700.000.000	270.000	2.700.000.000
Tổng Công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư	100.000	2.120.000.000	100.000	2.120.000.000
Cộng		10.874.000.000		10.874.000.000

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	3.650.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	1.347.820.045
Số cuối năm	4.997.820.045

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Hợp nhất công ty con tại ngày mua	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí trung tu, đại tu tàu	9.641.019.514	40.698.904.619		(20.331.084.117)	30.008.840.016
Bình gas và van bình gas	-	-	11.934.495.096	(483.584.613)	11.450.910.483
Chi phí sửa chữa	-	-	3.645.456.535	(148.271.200)	3.497.185.335
Công cụ, dụng cụ	-	-	610.393.230	(593.801.564)	16.591.666
Cộng	9.641.019.514	40.698.904.619	16.190.344.861	(21.556.741.494)	44.973.527.500

14. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ ký cược dài hạn - Công ty vận tải biển Anh Vũ	4.560.000.000	4.560.000.000
Ký quỹ bình gas	34.299.977.585	-
Ký quỹ ký cược dài hạn - các công ty khác	40.000.000	38.000.000
Cộng	38.899.977.585	4.598.000.000

15. Lợi thế thương mại

Công ty cổ phần Âu Lạc cho rằng giá trị sổ sách của các công ty con tại ngày mua là giá trị hợp lý. Khoản chênh lệch giữa giá mua với giá trị hợp lý tại ngày mua là lợi thế thương mại và được phân bổ trong 10 năm. Chi tiết như sau:

Giá trị lợi thế thương mại	13.264.733.023
Số đã phân bổ	
- Số phân bổ đầu năm	-
- Số phân bổ trong năm	(221.078.884)
Số còn phải phân bổ cuối năm	13.043.315.012

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	40.774.938.600	1.613.162.500
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh quận 5 ⁽ⁱ⁾	40.774.938.600	-
- Ngân hàng VID Public Bank	-	1.613.162.500
Vay ngắn hạn cá nhân khác ⁽ⁱⁱ⁾	4.345.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21)	35.561.043.442	47.666.711.973
Cộng	80.680.982.042	49.279.874.473

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh quận 5 để bổ sung vốn lưu động theo Hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-201300338 ngày 24 tháng 6 năm 2013. Hạn mức vay là 2.000.000 USD trong thời gian 12 tháng với lãi suất quy định trên từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa cho từng lần nhận nợ là 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tòa nhà văn phòng số 92 bis, Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

⁽ⁱⁱ⁾ Trong đó, vay Bà Phan Thị Nhi Mỹ theo Hợp đồng vay ngày 01 tháng 12 năm 2013 số tiền 4.330.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 07 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Hợp nhất công ty con tại ngày mua	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.613.162.500	88.277.012.525	-	-	(48.963.088.575)	(152.147.850)	40.774.938.600
Vay ngắn hạn cá nhân khác	-	4.330.000.000	15.000.000	-	-	-	4.345.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	47.666.711.973	-	-	35.561.043.442	(47.666.711.973)	-	35.561.043.442
Cộng	49.279.874.473	92.607.012.525	15.000.000	35.561.043.442	(96.629.800.548)	(152.147.850)	80.680.982.042

17. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Âu Lạc	25.492.951.525	33.963.784.457
Tại Công ty cổ phần thương mại gas Bình Minh	5.130.058.702	-
Cộng	30.623.010.227	33.963.784.457

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	476.740.852	281.512.568	(533.299.778)	224.953.642
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	24.204.757.412	(24.204.757.412)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.845.501.588	18.560.365.161	(18.443.425.491)	4.962.441.258
Thuế thu nhập cá nhân	461.518.015	2.926.472.124	(3.032.735.572)	355.254.567
Các loại thuế khác	-	503.000.000	(503.000.000)	-
Cộng	5.783.760.455	46.476.107.265	(46.717.218.253)	5.542.649.467

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu	:	0 %
- Hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong nước	:	10 %

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

Tại Công ty cổ phần Âu Lạc	18.216.626.388
Tại Công ty cổ phần thương mại gas Bình Minh	343.738.773
Cộng	18.560.365.161

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

19. Phải trả người lao động

Quý tiền lương hoàn thành kế hoạch còn phải trả cho công nhân viên tại Công ty cổ phần Âu Lạc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn	84.195.415	97.841.563
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.137.416.936	2.018.844.250
Công ty cổ phần đầu tư và vận tải xăng dầu Sài Gòn - lãi trái phiếu còn phải trả	1.013.888.888	-
Phí hoa hồng phải trả cho các đối tác	1.759.633.185	503.426.803
Bà Nguyễn Thị Chi - tiền mua cổ phiếu chưa thanh toán	3.100.000.000	-
Ký cược vỏ bình gas	41.427.037.752	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	304.368.432	291.490.452
Cộng	48.826.540.608	2.911.603.068

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	3.042.546.817
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	3.770.597.102
Chi quỹ trong năm	(3.646.500.000)
Số cuối năm	3.166.643.919

22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	163.526.541.977	232.486.536.027
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1, TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	21.282.368.000	56.916.536.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	142.244.173.977	175.570.000.027
Trái phiếu chuyển đổi ⁽ⁱⁱⁱ⁾	73.000.000.000	-
Cộng	236.526.541.977	232.486.536.027

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1, TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua tàu với lãi suất ngân hàng công bố điều chỉnh 03 tháng, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 09 tháng 3 năm 2010. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Âu Lạc Jupiter (xem thuyết minh V.9).

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Sài Gòn để thanh toán tiền mua tàu với lãi suất bằng trung bình lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ của 5 tổ chức tín dụng được chọn + 4%/năm, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 26 tháng 4 năm 2013. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Âu Lạc Venus và Âu Lạc Diamond (xem thuyết minh V.9).

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 24 tháng, mệnh giá 1.000.000 VND, lãi suất 10%/năm được phát hành cho Công ty cổ phần đầu tư và vận tải xăng dầu Sài Gòn để phát triển đội tàu và đầu tư cho các hoạt động kinh doanh khác. Trái phiếu tùy chọn chuyển đổi sang cổ phiếu vào 03 đợt 12 tháng, 18 tháng và 24 tháng với tỷ lệ chuyển đổi tối đa lần lượt là 80%, 10% và 10% với mức giá chuyển đổi 10.000 VND một cổ phiếu và tỷ lệ chuyển đổi 01 trái phiếu:100 cổ phiếu. Tại thời điểm chuyển đổi hoặc đáo hạn nếu chủ sở hữu không chuyển đổi, hoặc chuyển đổi một phần thì thanh toán phần còn lại cộng lãi.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Vay dài hạn ngân hàng	199.087.585.419	35.561.043.442	163.526.541.977	-
Trái phiếu chuyển đổi	73.000.000.000	-	73.000.000.000	-
Cộng	272.087.585.419	35.561.043.442	236.526.541.977	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số kết chuyển	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	232.486.536.027	-	(35.901.712.000)	(35.561.043.442)	2.502.761.392	163.526.541.977
Trái phiếu chuyển đổi	-	73.000.000.000	-	-	-	73.000.000.000
Cộng	232.486.536.027	73.000.000.000	(35.901.712.000)	(35.561.043.442)	2.502.761.392	236.526.541.977

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 59.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	289.221.600.000
Vốn điều lệ đã đầu tư của chủ sở hữu	253.779.820.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức các năm trước	23.690.111.114
Tạm ứng cổ tức năm nay	-
Cộng	23.690.111.114

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.922.160	28.922.160
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.377.982	25.377.982
- Cổ phiếu phổ thông	25.377.982	25.377.982
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	364.115	-
- Cổ phiếu phổ thông	364.115	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.013.867	25.377.982
- Cổ phiếu phổ thông	25.013.867	25.377.982
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	-
Lợi ích của cổ đông thiểu số hợp nhất tại ngày mua	13.986.360.226
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số phát sinh trong năm	270.503.338
Số cuối năm	14.256.863.564

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hàng hóa	87.316.366.491	-
Doanh thu dịch vụ vận tải biển	552.346.820.484	526.489.783.643
Doanh thu cho thuê tàu	-	6.617.700.275
Doanh thu cho thuê văn phòng	360.000.000	-
Cộng	640.023.186.975	533.107.483.918

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	74.872.730.937	-
Giá vốn dịch vụ vận tải biển	425.431.482.647	416.427.036.807
Giá vốn cho thuê tàu	-	6.220.079.572
Giá vốn cho thuê văn phòng	360.000.000	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.495.500.000	-
Cộng	502.159.713.584	422.647.116.379

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.653.504.843	1.078.186.735
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	197.943.695	130.428.323
Cổ tức, lợi nhuận được chia	351.000.000	109.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.005.443.535	462.974.752
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	177.310.980
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	238.468.800	-
Cộng	7.446.360.873	1.958.400.790

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.295.262.828	9.443.850.407
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.331.356.501	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.243.158.127	1.156.374.621
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.347.820.045	250.000.000
Chi phí tài chính khác	77.416.221	-
Cộng	25.295.013.722	10.850.225.028

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.728.489.386	-
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	433.153.822	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.468.949	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.222.777.129	8.924.279.155
Cộng	19.466.889.286	8.924.279.155

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	17.919.163.057	10.319.145.976
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.145.604.095	698.839.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.844.630.793	3.991.064.112
Chi phí khác	5.838.426.519	3.207.260.861
Cộng	30.747.824.464	18.216.310.146

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	309.090.909	25.636.363.636
Thu nhập khác từ thanh lý tài sản	-	3.422.002.543
Thu tiền phạt lưu tàu	2.705.603.939	183.330.000
Các khoản khác	680.985.363	243.573.172
Cộng	3.695.680.211	29.485.269.351

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	4.189.723.382
Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	12.602.157.389
Chi phí khác từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	2.928.592.806
Phí phạt lưu tàu	270.660.000	198.282.828
Chi phí khác	958.955.467	679.785.564
Cộng	1.229.615.467	20.598.541.969

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của Công ty mẹ	53.435.303.037	64.824.412.884
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	53.435.303.037	64.824.412.884
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	25.239.923	25.377.982
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.117	2.554

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	25.377.982	25.377.982
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(138.059)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	25.239.923	25.377.982

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	192.492.374.518	205.387.441.974
Chi phí nhân công	50.843.313.777	37.950.327.921
Chi phí khấu hao tài sản cố định	72.121.234.176	58.506.500.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.710.847.407	144.736.174.344
Chi phí khác	5.838.426.519	3.207.260.861
Cộng	476.006.196.397	449.787.705.680

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Âu Lạc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.887.542.752	4.138.061.818
Tiền thưởng	812.000.000	1.216.000.000
Cộng	4.699.542.752	5.354.061.818

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty cổ phần Âu Lạc gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần phát triển Phú Minh	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty cổ phần Âu Lạc không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phụ vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Dịch vụ hàng hải và vận tải nhiên liệu
- Lĩnh vực : Mua bán khí đốt và bếp gas

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Dịch vụ hàng hải và vận tải nhiên liệu	Mua bán khí đốt và bếp gas	Dịch vụ cho thuê	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	552.346.820.484	87.316.366.491	360.000.000	-	640.023.186.975
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	552.346.820.484	87.316.366.491	360.000.000	-	640.023.186.975
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	125.419.837.837	12.443.635.554	-	-	137.863.473.391
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					50.215.153.002
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					87.648.320.389

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

	Dịch vụ hàng hải và vận tải nhiên liệu	Mua bán khí đốt và bếp gas	Dịch vụ cho thuê	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu hoạt động tài chính					7.446.360.873
Chi phí tài chính					25.295.013.722
Thu nhập khác					3.695.680.211
Chi phí khác					1.229.615.467
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					18.560.365.161
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					53.705.367.123
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					43.362.547.696
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					93.677.969.922
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	526.489.783.643	-	6.617.700.275	-	533.107.483.918
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	526.489.783.643	-	6.617.700.275	-	533.107.483.918
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	110.062.746.836	-	397.620.703	-	110.460.367.539
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					27.140.589.301
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					83.319.778.238
Doanh thu hoạt động tài chính					1.958.400.790
Chi phí tài chính					10.850.225.028
Thu nhập khác					29.485.269.351
Chi phí khác					20.598.541.969
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					15.459.610.620
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					3.030.657.878
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					64.824.412.884
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					244.320.242.191
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					72.673.239.738

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước, khu vực ngoài nước.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	127.104.542.561	62.759.892.756
Khu vực nước ngoài	512.918.644.414	470.347.591.162
Cộng	640.023.186.975	533.107.483.918

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Khách hàng của Tập đoàn chủ yếu là khách hàng lâu năm và có mối quan hệ tốt. Chính sách tín dụng của Tập đoàn tối đa là 30 ngày. Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho vay tiền có đảm bảo nên nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.675.590.619	-	-	-	105.675.590.619
Phải thu khách hàng	32.660.569.444	-	1.148.713.611	-	33.809.283.055

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Các khoản cho vay	6.400.000.000	-	-	-	6.400.000.000
Các khoản phải thu khác	44.150.595.832	-	-	3.278.704.978	47.429.300.810
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.445.000.000	7.429.000.000	-	-	10.874.000.000
Cộng	192.331.755.895	7.429.000.000	1.148.713.611	3.278.704.978	204.188.174.484

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	42.225.452.748	-	-	-	42.225.452.748
Phải thu khách hàng	32.276.401.583	-	3.790.604.180	-	36.067.005.763
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	5.625.031.470	-	-	3.065.333.335	8.690.364.805
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.516.471.200	5.000.000.000	-	-	12.516.471.200
Cộng	87.643.357.001	5.000.000.000	3.790.604.180	3.065.333.335	99.499.294.516

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	81.694.870.930	236.526.541.977	-	318.221.412.907
Phải trả người bán	30.623.010.227	-	-	30.623.010.227
Các khoản phải trả khác	47.899.547.214	-	-	47.899.547.214
Cộng	160.217.428.371	236.526.541.977	-	396.743.970.348
Số đầu năm				
Vay và nợ	49.279.874.473	197.372.536.063	35.113.999.964	281.766.410.500
Phải trả người bán	33.963.784.457	-	-	33.963.784.457
Các khoản phải trả khác	3.550.450.159	-	-	3.550.450.159
Cộng	86.794.109.089	197.372.536.063	35.113.999.964	319.280.645.116

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và cung cấp dịch vụ xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và SGD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	SGD	USD	SGD
Tiền và các khoản tương đương tiền	422.376,29	-	450.649,63	-
Phải thu khách hàng	1.381.531,50	-	912.164,21	-
Vay và nợ	(11.378.677,61)	-	(13.536.700,00)	-
Phải trả người bán	(340.760,29)	(102.397,93)	(611.377,92)	(116.610,67)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(9.915.530,11)	(102.397,93)	(12.785.264,08)	(116.610,67)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 3.097.809.917 VND (năm trước giảm/tăng 4.842.888.180 VND) do ảnh hưởng của lỗi/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và SGD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.397.746.400	-	26.100.000.000	-
Vay và nợ	(4.345.000.000)	(11.378.677,61)	-	(13.536.700,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	74.052.746.400	(11.378.677,61)	26.100.000.000	(13.536.700,00)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Âu Lạc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch vận chuyển và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.675.590.619	-	42.225.452.748	-	105.675.590.619	42.225.452.748
Phải thu khách hàng	33.809.283.055	(574.356.806)	36.067.005.763	-	33.234.926.249	36.067.005.763
Các khoản cho vay	6.400.000.000	-	-	-	6.400.000.000	-
Các khoản phải thu khác	47.429.300.810	(3.214.655.685)	8.690.364.805	(3.065.333.335)	44.214.645.125	5.625.031.470
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.874.000.000	(4.997.820.045)	12.516.471.200	(3.650.000.000)	5.876.179.955	8.866.471.200
Cộng	204.188.174.484	(8.786.832.536)	99.499.294.516	(6.715.333.335)	195.401.341.948	92.783.961.181

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	317.207.524.019	281.766.410.500	317.207.524.019	281.766.410.500
Phải trả người bán	30.623.010.227	33.963.784.457	30.623.010.227	33.963.784.457
Các khoản phải trả khác	48.913.436.102	3.550.450.159	48.913.436.102	3.550.450.159
Cộng	396.743.970.348	319.280.645.116	396.743.970.348	319.280.645.116

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

(Tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là vốn đầu tư của Tập đoàn vào các tổ chức kinh tế trừ đi dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014



Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 01:

BẢNG ĐỔI CHIỀU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	253.779.820.000	254.725.820.000	-	314.828.404	12.628.400.428	44.395.878.034	587.113.745.545
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đầu năm	-	-	-	(314.828.404)	-	-	(314.828.404)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	64.824.412.884	64.824.412.884
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	2.786.621.963	1.671.973.178	(8.359.865.888)	(3.901.270.747)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(63.444.955.000)	(63.444.955.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(2.670.000.000)	(2.670.000.000)
Số dư cuối năm trước	253.779.820.000	254.725.820.000	-	15.415.022.391	22.940.971.857	34.745.470.030	581.607.104.278
Số dư đầu năm nay	253.779.820.000	254.725.820.000	-	15.415.022.391	22.940.971.857	34.745.470.030	581.607.104.278
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	53.435.303.037	53.435.303.037
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(3.568.600.000)	-	-	-	(3.568.600.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	2.693.283.644	1.615.970.187	(8.079.850.933)	(3.770.597.102)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(22.808.683.800)	(22.808.683.800)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(3.360.000.000)	(3.360.000.000)
Số dư cuối năm nay	253.779.820.000	254.725.820.000	(3.568.600.000)	-	24.556.942.044	53.932.238.334	601.534.526.413

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014



Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ : 92 bis Trần Quốc Toàn, Phường 8, Quận 3, TP. HCM
Điện Thoại: 84.8 3820 0441 - Fax: 84.8 3820 0440
Email : aulac-asc@aulac.com.vn
Website : www.aulac.com.vn

AULAC CORPORATION

Address : 92 bis Tran Quoc Toan Str., Ward 8, Dist. 3, HCMC
Tel : 84.8 3820 0441 - Fax: 84.8 3820 0440
Email : aulac-asc@aulac.com.vn
Website : www.aulac.com.vn